

Số: 1468/2026/QĐST- HNGĐ

Thành phố H, ngày 22 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 361, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1229/2026/HNST ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1992,

Căn cước công dân số 072192xxxx52 cấp ngày 26/9/2022

Địa chỉ: Số 58 Đường số X, Khu phố X, phường T, Thành phố H;

2. Ông Dương Khắc L, sinh năm 1989,

Căn cước công dân số: 079089xxxx12 cấp ngày 26/7/2022

Địa chỉ: 137/31/4 P, Khu phố X, phường B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Dương Khắc L thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của bà T và ông L ghi trong bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông B.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Kim T và ông Dương Khắc L khai có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Mai Tiểu M, sinh ngày 03/3/2011. Hai bên thỏa thuận, bà Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Dương Khắc L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận về con chung, cấp dưỡng nuôi con của bà T và ông L phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Dương Khắc L thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 0101, ngày 14/4/2011 của Ủy ban nhân dân phường B, Quận B, Thành phố H (nay là phường B, Thành phố H) chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Mai Tiểu M, sinh ngày 03/3/2011. Bà Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông Dương Khắc L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Kim T và ông Dương Khắc L nộp nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000528 ngày 02/7/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông L đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực X;
- THADS Tp. H;
- UBND xã T, tỉnh Q;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N